

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN TRONG NƯỚC VÀ NGÂN QUỸ
(Dành cho Khách hàng Cá nhân)

(Áp dụng từ ngày 05/03/2011 kèm theo QĐ số 507/2011/QĐ – TGD ngày 05/03/2011,
Biểu phí đã bao gồm 10% VAT)

STT	NỘI DUNG	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA
A	QUẢN LÝ VÀ GIAO DỊCH TÀI KHOẢN VND			
I	QUẢN LÝ TÀI KHOẢN VND			
1	Mở tài khoản	Miễn phí		
2	Số dư duy trì	50.000đ		
3	Phí duy trì tài khoản			
3.1	Số dư duy trì đủ	Miễn phí		
3.2	Số dư duy trì bình quân tháng thiếu	11.000đ		
4	Đóng tài khoản theo yêu cầu của chủ TK	11.000đ		
II	GIAO DỊCH TÀI KHOẢN VND			
1	Nộp tiền mặt vào TK mở tại OceanBank			
1.1	Cùng tỉnh/ TP nơi mở tài khoản	Miễn phí		
1.2	Khác tỉnh /TP nơi mở tài khoản			
a	Số tiền nộp < 50 triệu đồng/lần	11.000đ/món		
b	Số tiền nộp >= 50 triệu đồng/lần	0,022%	11.000đ	550.000đ
2	Rút tiền mặt từ TK mở tại OceanBank (không áp dụng với giao dịch ATM)			
2.1	Tại nơi mở Tài khoản	Miễn phí		
2.2	Khác nơi mở tài khoản			
a	Cùng tỉnh/ TP nơi mở tài khoản	Miễn phí		
b	Khác tỉnh /TP nơi mở tài khoản			
-	Số tiền rút < 50 triệu đồng/lần	Miễn phí		
-	Số tiền rút >= 50 triệu đồng/lần	0,022%	11.000đ	550.000đ
2.3	Khách hàng rút tiền mặt từ số tiền mặt nộp vào tài khoản trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nộp thì thu thêm phí kiểm đếm	0,022%	11.000đ	550.000đ
3	Chuyển tiền bằng chuyển khoản			
3.1	Trả vào TK người hưởng tại OceanBank			
3.1.1	Cùng tỉnh/ TP nơi mở tài khoản	Miễn phí		
3.1.2	Khác tỉnh /TP nơi mở tài khoản	11.000đ/món		
3.2	Trả cho người hưởng nhận tiền mặt tại OceanBank			
3.2.1	Cùng tỉnh/ TP nơi mở tài khoản	Miễn phí		
3.2.2	Khác tỉnh /TP nơi mở tài khoản	0,011%	11.000đ	550.000đ
3.3	Trả cho người hưởng ngoài hệ thống OceanBank			
3.3.1	Cùng tỉnh/ TP nơi mở tài khoản			
3.3.1.1	Thanh toán bù trừ giấy	6.600đ - 11.000đ/món		
3.3.1.2	Thanh toán điện tử CITAD/kênh khác			
a	Với món tiền chuyển < 500 triệu đồng			
-	Giao dịch trước 13h45	11.000đ/món		

-	Giao dịch từ 13h45 đến trước 14h45	0.011%	16.500đ	
b	Với món tiền chuyển >=500 triệu đồng trước 14h45	0.011%		330.000đ
c	Giao dịch từ 14h45 đến 15h15 chuyển đi ngay trong ngày (mọi giá trị)	0.0165%	16.500đ	330.000đ
3.3.2	Khác tỉnh /TP nơi mở tài khoản			
a	Với món tiền chuyển < 500 triệu đồng			
-	Giao dịch trước 13h45	16.500đ		
-	Giao dịch từ 13h45 đến trước 14h45	0.033%	22.000đ	
b	Với món tiền chuyển >=500 triệu đồng trước 14h45	0.033%		1.100.000đ
c	Giao dịch từ 14h45 đến 15h15 chuyển đi ngay trong ngày (mọi giá trị)	0.044%	22.000đ	1.100.000đ
3.4	Khách hàng chuyển khoản từ số tiền mặt nộp vào tài khoản trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nộp thì thu thêm phí kiểm đếm (tối đa các mức phí: 1.100.000đ)	0.022%	11.000đ	550.000đ
4	Chuyển tiền từ tiền vay	Áp dụng mức phí tại mục A.II.3		
5	Chuyển tiền theo danh sách			
5.1	Trường hợp KH và Ngân hàng ký hợp đồng	Thu theo hợp đồng		
5.2	Trường hợp không ký hợp đồng			
5.2.1	Trả vào tài khoản trong hệ thống OceanBank	3.300đ/TK ghi Có		
5.2.2	Trả vào tài khoản ngoài hệ thống OceanBank	Áp dụng phí chuyển tiền tương ứng		
6	Chuyển khoản đến trong nước	Miễn phí		
B	QUẢN LÝ VÀ GIAO DỊCH TÀI KHOẢN NGOẠI TỆ			
I	QUẢN LÝ TÀI KHOẢN NGOẠI TỆ			
1	Mở tài khoản	Miễn phí		
2	Số dư duy trì	20USD		
3	Đóng tài khoản	2,2USD		
II	GIAO DỊCH TÀI KHOẢN NGOẠI TỆ			
1	Nộp tiền mặt ngoại tệ (Chỉ áp dụng đối với các trường hợp được phép nộp ngoại tệ mặt theo quy định về quản lý ngoại hối của NHNN)			
1.1	Loại trên 50USD	0.22%	2,2USD	Thỏa thuận
1.2	Loại từ 5USD - 20USD	0.44%	2,2USD	Thỏa thuận
1.3	Loại 1USD, 2USD	0.66%	3,3USD	Thỏa thuận
1.4	Các loại ngoại tệ khác	0.55%	3,3USD	Thỏa thuận
2	Rút tiền mặt từ tài khoản tiền gửi ngoại tệ			
2.1	Rút bằng tiền mặt VND (Quy đổi theo tỷ giá mua ngoại tệ chuyển khoản do OceanBank công bố tại thời điểm giao dịch)	Thu giống rút tiền mặt từ TK VND		
2.2	Rút bằng tiền mặt USD	0.22%	2,2USD	Thỏa thuận
2.3	Các loại ngoại tệ khác	1.1%	3,3USD	Thỏa thuận
3	Nhận tiền mặt ngoại tệ bằng CMND từ các khoản chuyển đến	0.055%	2,2USD	Thỏa thuận
4	Chuyển tiền trong nước			
4.1	Trong hệ thống OceanBank			
4.1.1	Cùng tỉnh/ TP nơi mở tài khoản	Miễn phí		
4.1.2	Khác tỉnh /TP nơi mở tài khoản	1,1USD		
4.2	Ngoài hệ thống OceanBank			
4.2.1	Cùng tỉnh/ TP nơi mở tài khoản			

-	Người hưởng thuộc hệ thống Ngân hàng Công Thương, Nông nghiệp	6,6USD		
-	Người hưởng thuộc Ngân hàng khác	3,3USD		
4.2.2	Khác tỉnh /TP nơi mở tài khoản	0.055%	6,6USD	55USD
4.3	Chuyển tiền theo danh sách			
4.3.1	Trường hợp KH và Ngân hàng ký hợp đồng	Thu theo hợp đồng		
4.3.2	Trường hợp không ký hợp đồng			
-	Trả vào tài khoản trong hệ thống OceanBank	0,55USD/TK ghi Có		
-	Trả vào tài khoản ngoài hệ thống OceanBank	Áp dụng phí chuyển tiền tương ứng		
5	Rút tiền/Chuyển khoản từ số tiền mặt nộp vào tài khoản trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nộp thì thu thêm phí kiểm đếm	0.022%	2,2USD	Thỏa thuận
C	CHUYỂN TIỀN BẰNG TIỀN MẶT			
1	Chuyển cho người hưởng trong hệ thống OceanBank			
1.1	Nộp tiền mặt vào tài khoản người khác			
1.1.1	Cùng tỉnh thành phố	Miễn phí		
1.1.2	Khác tỉnh thành phố	0.022%	11.000đ	550.000đ
1.2	Chuyển cho người hưởng nhận bằng CMT tại OceanBank			
1.2.1	Cùng tỉnh thành phố	0.022%	11.000đ	550.000đ
1.2.2	Khác tỉnh thành phố	0.033%	22.000đ	1.100.000đ
2	Chuyển cho người hưởng ngoài hệ thống OceanBank			
2.1	Cùng tỉnh thành phố			
a	Với món tiền chuyển < 500 triệu đồng			
-	Giao dịch trước 13h45	0.033%	22.000đ	
-	Giao dịch từ 13h45 đến trước 14h45	0.044%	22.000đ	
b	Với món tiền chuyển >=500 triệu đồng trước 14h45	0.044%		990.000đ
c	Giao dịch từ 14h45 đến 15h15 chuyển đi ngay trong ngày (mọi giá trị)	0.044%	27.500đ	990.000đ
2.2	Khác tỉnh thành phố	0.066%	27.500đ	1.100.000đ
D	GIAO DỊCH TIỀN GỬI TIẾT KIỆM			
1	Nộp tiền vào sổ tiết kiệm	Miễn phí		
2	Rút tiền từ sổ tiết kiệm			
2.1	Rút tiền mặt			
2.1.1	Cùng tỉnh/TP nơi mở sổ tiết kiệm	Miễn phí		
2.1.2	Khác tỉnh/TP nơi mở sổ tiết kiệm			
a	Tiền VNĐ	Miễn phí		
b	Tiền ngoại tệ			
-	Số tiền rút có giá trị <30.000USD/lần giao dịch	Miễn phí		
-	Số tiền rút có giá trị >=30.000USD/lần giao dịch	0.11%	2,2USD	Thỏa thuận
2.2	Rút tiết kiệm để chuyển đi			
a	Tiền VNĐ	Áp dụng mức phí chuyển tiền tại mục A.II.3		
b	Tiền ngoại tệ	Áp dụng mức phí chuyển tiền tại mục B.II.4		
2.3	Rút tiền/Chuyển khoản từ số tiền mặt nộp vào STK trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày nộp thì thu thêm phí kiểm đếm			
a	Tiền VNĐ	0.022%	11.000đ	550.000đ
b	Tiền ngoại tệ	0.022%	2.2USD	Thỏa thuận
2.4	Lưu ý: Miễn phí rút tiền tiết kiệm ngoại tệ tại Chi nhánh khác tỉnh/TP nơi mở STK nếu khách hàng tắt tất số tiết kiệm ngoại tệ sau đó gửi lại (chỉ miễn phần gửi lại) hoặc khách hàng tắt toán STK đúng hạn hoặc tắt toán sau kỳ hạn gửi đầu tiên			

E NGHIỆP VỤ NGÂN QUỸ				
1	Đổi ngoại tệ			
1.1	Lấy tiền mặt VND (áp dụng tỷ giá mua tiền mặt ngoại tệ công bố tại thời điểm giao dịch)	Miễn phí		
1.2	Đổi mệnh giá lớn lấy mệnh giá nhỏ	Miễn phí		
1.3	Đổi ngoại tệ có mệnh giá nhỏ lấy mệnh giá lớn			
1.3.1	Lấy loại nhỏ hơn 50USD	2,2%	2,2USD	Thỏa thuận
1.3.2	Lấy loại 50USD, 100USD	3,3%	2,2USD	Thỏa thuận
2	Đổi tiền VND không đủ tiêu chuẩn lưu thông	3,3%	2.200đ	Thỏa thuận
3	Kiểm đếm			
3.1	Kiểm đếm VND tại trụ sở OceanBank			
3.1.1	Loại từ 50,000đ trở lên	0.033%	16.500đ	1.100.000đ
3.1.2	Loại từ 20,000đ trở xuống	0.055%	22.000đ	1.100.000đ
3.2	Kiểm đếm VND tại nơi khách hàng yêu cầu	0.066%	110.000đ	1.100.000đ
3.3	Kiểm đếm ngoại tệ	0,22USD/tờ	3,3USD	Thỏa thuận
4	Thu, chi tiền mặt tại nơi khách hàng yêu cầu			
4.1	Nếu có hợp đồng	Thu theo HĐ		
4.2	Nếu không có hợp đồng (chưa bao gồm phí chuyển tiền)			
4.2.1	Thu tiền tiết kiệm >= 500triệu đồng	Miễn phí		
4.2.2	Các trường hợp thu, chi tiền tại nơi khách hàng yêu cầu khác			
a	Bán kính <= 10km	0.066%	110.000đ/ 16,5 USD	Thỏa thuận
b	Bán kính >10km	0.088%	220.000đ/ 22USD	Thỏa thuận
5	Dịch vụ lưu trữ, quản lý tài sản			
5.1	Tiền không đếm (niêm phong nguyên bao theo giá trị kê khai)	0,022%/ngày/giá trị kê khai	110.000đ	Thỏa thuận
5.2	Chứng khoán, giấy tờ có giá khác	0,0165%/ngày/ giá trị kê khai	110.000đ	Thỏa thuận
5.3	Giấy tờ khác	11.000đ/ngày/phong bì A4		
F DỊCH VỤ KHÁC				
1	Phí tra soát, điều chỉnh, hủy lệnh chuyển tiền			
1.1	Trong hệ thống	5.500đ/lệnh		
1.2	Ngoài hệ thống	11.000đ/1,1USD/lệnh		
2	Xác nhận tài khoản (tiền gửi và tiết kiệm) theo yêu cầu (bao gồm xác nhận số dư, xác nhận khác hợp lệ)			
2.1	Theo mẫu của khách hàng	Max: 1 bản chính, 2 bản sao. Từ bản thứ 4 thu 11.000đ/bản		
2.1.1	Bảng tiếng Việt	33.000đ/lần		
2.1.2	Bảng tiếng Anh	44.000đ/lần		
2.2	Theo mẫu OceanBank	Max: 1 bản chính, 2 bản sao. Từ bản thứ 4 thu 11.000đ/bản		
2.2.1	Bảng tiếng Việt	44.000đ/lần		
2.2.2	Bảng tiếng Anh	66.000đ/lần		
3	Phong tỏa tài khoản theo yêu cầu của khách hàng (trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan pháp luật)			
3.1	Do sử dụng dịch vụ có liên quan tại OceanBank dẫn đến việc phong tỏa tài khoản	Miễn phí		
3.2	Phong tỏa vì lý do khác	55.000đ/lần/01 TK		

4	Cung cấp thông tin tài khoản			
4.1	Sổ phụ hàng ngày	Miễn phí		
4.2	Sao kê tài khoản theo yêu cầu khách hàng (có công văn yêu cầu)			
4.2.1	Thời điểm yêu cầu sao kê: < 01 năm so với hiện tại	3.300đ/trang	33.000đ/lần	Thỏa thuận
4.2.2	Thời điểm yêu cầu sao kê: >= 01 năm so với hiện tại	5.500đ/trang	55.000đ/lần	Thỏa thuận
4.3	In sổ phụ và gửi theo yêu cầu KH			
4.3.1	Trong cùng địa bàn	22.000đ/lần		
4.3.2	Khác địa bàn	44.000đ/lần		
4.4	Phí photo chứng từ gốc theo yêu cầu của khách hàng			
4.4.1	Chứng từ phát sinh trong vòng 1 tháng	22.000đ/chứng từ		
4.4.2	Chứng từ phát sinh trên 1 tháng và dưới 1 năm	33.000đ/chứng từ		
4.4.3	Chứng từ phát sinh trên 1 năm và tài khoản đã đóng	55.000đ/chứng từ		
4.5	Fax sổ phụ, chứng từ			
4.5.1	Nội tỉnh	5.500đ/Trang		
4.5.2	Ngoại tỉnh	11.000đ/Trang		
4.6	Sau 6 tháng không đến lấy Sổ phụ NH tự động hủy			
5	Phí cung ứng Séc	11.000đ/1quyển		
6	Phí cung ứng Ủy nhiệm chi	16.500đ/1quyển		
7	Dịch vụ liên quan đến Séc			
7.1	Thu hộ Séc do ngân hàng trong nước phát hành	11.000đ/ tờ		
7.2	Bảo chi Séc	11.000đ/tờ		
7.3	Thông báo Séc không đủ khả năng thanh toán	22.000đ/lần		
7.4	Thông báo mất Séc	55.000đ/lần		
8	Dịch vụ liên quan đến sổ tiết kiệm			
8.1	Phí báo mất sổ tiết kiệm	22.000đ/sổ		
8.2	Cấp lại sổ tiết kiệm do hư hỏng	22.000đ/sổ		
8.3	Phong tỏa sổ tiết kiệm theo yêu cầu của khách hàng (trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan pháp luật)			
8.3.1	Do sử dụng dịch vụ có liên quan tại OceanBank dẫn đến việc phong tỏa tài khoản	Miễn phí		
8.3.2	Phong tỏa vì lý do khác	55.000đ/ sổ		
8.4	Ủy quyền lĩnh thay sổ tiết kiệm	Miễn phí		

Ghi chú:

1. Các dịch vụ nào có phát sinh thêm điện phí hoặc bưu phí, OceanBank thực hiện thu điện phí hoặc bưu phí thực tế phát sinh.
2. Trường hợp một dịch vụ phát sinh nhiều loại phí thì phí dịch vụ thu đối với khách hàng là tổng số tiền phí của từng giao dịch phát sinh loại phí đó.
3. Các dịch vụ có sự tham gia của các ngân hàng khác, OceanBank thu thêm các loại phí thực tế phát sinh.
4. OceanBank không hoàn trả lại khách hàng các khoản phí dịch vụ đã thu trong trường hợp khách hàng yêu cầu hủy bỏ dịch vụ hoặc dịch vụ không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của OceanBank.
5. Đối với loại phí thu bằng ngoại tệ, nếu khách hàng không có ngoại tệ, OceanBank thu bằng VND quy đổi theo tỷ giá bán chuyển khoản do OceanBank công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch.
6. Các giao dịch liên quan đến ngoại tệ tuân thủ theo các quy định về quản lý ngoại hối hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN TRONG NƯỚC VÀ NGÂN QUỸ**(Dành cho Khách hàng Doanh nghiệp)***(Áp dụng từ ngày 05/03/2011 kèm theo QĐ số 507/2011/QĐ – TGD ngày 05/03/2011,*

STT	NỘI DUNG	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA
A	QUẢN LÝ VÀ GIAO DỊCH TÀI KHOẢN VND			
I	QUẢN LÝ TÀI KHOẢN VND			
1	Mở tài khoản	Miễn phí		
2	Số dư duy trì	1.000.000đ		
3	Phí duy trì tài khoản			
3.1	Số dư duy trì đủ	Miễn phí		
3.2	Số dư duy trì bình quân tháng thiếu	22.000đ		
4	Đóng tài khoản theo yêu cầu của chủ TK	22.000đ		
II	GIAO DỊCH TÀI KHOẢN VND			
1	Nộp tiền mặt vào TK mở tại OceanBank			
1.1	Cùng tỉnh/ TP nơi mở tài khoản	Miễn phí		
1.2	Khác tỉnh /TP nơi mở tài khoản			
a	Số tiền nộp < 50 triệu đồng/lần	11.000đ/món		
b	Số tiền nộp >= 50 triệu đồng/lần	0,022%	11.000đ	550.000đ
2	Rút tiền mặt từ TK mở tại OceanBank			
2.1	Tại nơi mở Tài khoản	Miễn phí		
2.2	Khác nơi mở tài khoản			
a	Cùng tỉnh/ TP nơi mở tài khoản	Miễn phí		
b	Khác tỉnh /TP nơi mở tài khoản			
-	Số tiền rút < 50 triệu đồng/lần	Miễn phí		
-	Số tiền rút >= 50 triệu đồng/lần	0,022%	11.000đ	550.000đ
2.3	Khách hàng rút tiền mặt từ số tiền mặt nộp vào tài khoản trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nộp thì thu thêm phí kiểm đếm	0,022%	11.000đ	550.000đ
3	Chuyển tiền bằng chuyển khoản			
3.1	Chuyển vào TK người hưởng tại OceanBank			
3.1.1	Cùng tỉnh/ TP nơi mở tài khoản	Miễn phí		
3.1.2	Khác tỉnh /TP nơi mở tài khoản	0,011%	11.000đ	220.000đ
3.2	Chuyển cho người hưởng nhận tiền mặt tại OceanBank			
3.2.1	Cùng tỉnh/ TP nơi mở tài khoản	Miễn phí		
3.2.2	Khác tỉnh /TP nơi mở tài khoản	0,011%	11.000đ	550.000đ
3.3	Chuyển cho người hưởng ngoài hệ thống OceanBank			
3.3.1	Cùng tỉnh/ TP nơi mở tài khoản			
3.3.1.1	Thanh toán bù trừ giấy	6.600đ - 11.000đ/món		
3.3.1.2	Thanh toán điện tử CITAD/kênh khác			
a	Với món tiền chuyển < 500 triệu đồng			
-	Giao dịch trước 13h45	11.000đ/món		
-	Giao dịch từ 13h45 đến trước 14h45	0,011%	16.500đ	
b	Với món tiền chuyển >=500 triệu đồng trước 14h45	0,011%		330.000đ
c	Giao dịch từ 14h45 đến 15h15 chuyển đi ngay trong ngày (mọi giá trị)	0,0165%	16.500đ	330.000đ
3.3.2	Khác tỉnh /TP nơi mở tài khoản			
a	Với món tiền chuyển < 500 triệu đồng			
-	Giao dịch trước 13h45	16.500đ		
-	Giao dịch từ 13h45 đến trước 14h45	0,033%	22.000đ	
b	Với món tiền chuyển >=500 triệu đồng trước 14h45	0,033%		1.100.000đ

c	Giao dịch từ 14h45 đến 15h15 chuyển đi ngay trong ngày (mọi giá trị)	0.044%	22.000đ	1.100.000đ
3.4	Khách hàng chuyển khoản từ số tiền mặt nộp vào tài khoản trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nộp thì thu thêm phí kiểm đếm (tối đa các mức phí: 1.100.000đ)	0.022%	11.000đ	550.000đ
4	Chuyển tiền từ tiền vay	Áp dụng mức phí tại mục A.II.3		
5	Chuyển tiền theo danh sách			
5.1	Trường hợp KH và Ngân hàng ký hợp đồng	Thu theo hợp đồng		
5.2	Trường hợp không ký hợp đồng			
5.2.1	Trả vào tài khoản trong hệ thống OceanBank	3.300đ/ TK ghi Có		
5.2.2	Trả vào tài khoản ngoài hệ thống OceanBank	Áp dụng phí chuyển tiền tương ứng		
6	Chuyển khoản đến trong nước	Miễn phí		
B	QUẢN LÝ VÀ GIAO DỊCH TÀI KHOẢN NGOẠI TỆ			
I	QUẢN LÝ TÀI KHOẢN NGOẠI TỆ			
1	Mở tài khoản	Miễn phí		
2	Số dư duy trì	100USD		
3	Đóng tài khoản	5,5USD		
II	GIAO DỊCH TÀI KHOẢN NGOẠI TỆ			
1	Nộp tiền mặt ngoại tệ (Chỉ áp dụng đối với các trường hợp được phép nộp ngoại tệ mặt theo quy định về			
1.1	Loại trên 50USD	0.22%	2,2USD	Thỏa thuận
1.2	Loại từ 5USD - 20USD	0.44%	2,2USD	Thỏa thuận
1.3	Loại 1USD, 2USD	0.66%	3,3USD	Thỏa thuận
1.4	Các loại ngoại tệ khác	0.55%	3,3USD	Thỏa thuận
2	Rút tiền mặt từ tài khoản ngoại tệ			
2.1	Rút bằng tiền mặt VND (Quy đổi theo tỷ giá mua ngoại tệ chuyển khoản do OceanBank công bố tại thời điểm giao dịch)	Thu giống rút tiền mặt VND		
2.2	Rút bằng tiền mặt USD	0.22%	2,2USD	Thỏa thuận
2.3	Các loại ngoại tệ khác	1.1%	3,3USD	Thỏa thuận
3	Chuyển tiền trong nước			
3.1	Trong hệ thống OceanBank			
3.1.1	Cùng tỉnh/ TP nơi mở tài khoản	Miễn phí		
3.1.2	Khác tỉnh /TP nơi mở tài khoản	1,1USD		
3.2	Ngoài hệ thống OceanBank			
3.2.1	Cùng tỉnh/ TP nơi mở tài khoản			
-	Người hưởng thuộc hệ thống Ngân hàng Công Thương, Nông nghiệp	6,6USD		
-	Người hưởng thuộc Ngân hàng khác	3,3USD		
3.2.2	Khác tỉnh /TP nơi mở tài khoản	0.055%	6,6USD	55USD
3.3	Chuyển tiền theo danh sách			
3.3.1	Trường hợp KH và Ngân hàng ký hợp đồng	Thu theo hợp đồng		
3.3.2	Trường hợp không ký hợp đồng			
-	Trả vào tài khoản trong hệ thống OceanBank	0,55USD/TK ghi Có		
-	Trả vào tài khoản ngoài hệ thống OceanBank	Áp dụng phí chuyển tiền tương ứng		
4	Rút tiền/Chuyển khoản từ số tiền mặt nộp vào tài khoản trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nộp thì thu thêm phí kiểm đếm	0.022%	2,2USD	Thỏa thuận
C-	CHUYỂN TIỀN BẰNG TIỀN MẶT			
1	Chuyển cho người hưởng trong hệ thống OceanBank			
1.1	Nộp tiền mặt vào tài khoản người khác			
1.1.1	Cùng tỉnh thành phố	Miễn phí		
1.1.2	Khác tỉnh thành phố	0.022%	11.000đ	550.000đ

1.2	Chuyển cho người hưởng nhận bằng CMT tại OceanBank			
1.2.1	Cùng tỉnh thành phố	0.022%	11.000đ	550.000đ
1.2.2	Khác tỉnh thành phố	0.033%	22.000đ	1.100.000đ
2	Chuyển cho người hưởng ngoài hệ thống OceanBank			
2.1	Cùng tỉnh thành phố			
a	Với món tiền chuyển < 500 triệu đồng			
-	Giao dịch trước 13h45	0.033%	22.000đ	
-	Giao dịch từ 13h45 đến trước 14h45	0.044%	22.000đ	
b	Với món tiền chuyển >=500 triệu đồng trước 14h45			
		0.044%		990.000đ
c	Giao dịch từ 14h45 đến 15h15 chuyển đi ngay trong ngày (mọi giá trị)	0.044%	27.500đ	990.000đ
2.2	Khác tỉnh thành phố			
		0.066%	33.000đ	1.100.000đ
D- NGHIỆP VỤ NGÂN QUỸ				
1	Đổi ngoại tệ			
1.1	Lấy tiền mặt VND (áp dụng tỷ giá mua tiền mặt ngoại tệ công bố tại thời điểm giao dịch)	Miễn phí		
1.2	Đổi mệnh giá lớn lấy mệnh giá nhỏ	Miễn phí		
1.3	Đổi ngoại tệ có mệnh giá nhỏ lấy mệnh giá lớn			
1.3.1	Lấy loại nhỏ hơn 50USD	2,2%	2,2USD	Thỏa thuận
1.3.2	Lấy loại 50USD, 100USD	3,3%	2,2USD	Thỏa thuận
2	Đổi tiền VND không đủ tiêu chuẩn lưu thông			
		3,3%	2.200đ	Thỏa thuận
3	Kiểm đếm			
3.1	Kiểm đếm VND tại trụ sở OceanBank			
3.1.1	Loại từ 50,000đ trở lên	0.033%	16.500đ	1.100.000đ
3.1.2	Loại từ 20,000đ trở xuống	0.055%	22.000đ	1.100.000đ
3.2	Kiểm đếm VND tại nơi khách hàng yêu cầu			
		0.066%	110.000đ	1.100.000đ
3.3	Kiểm đếm ngoại tệ			
		0,22USD/tờ	3,3USD	Thỏa thuận
4	Thu, chi tiền mặt tại nơi khách hàng yêu cầu			
4.1	Nếu có hợp đồng			
		Thu theo HĐ		
4.2	Nếu không có hợp đồng (chưa bao gồm phí chuyển tiền)			
4.2.1	Bán kính <= 10km	0.066%	110.000đ/ 16,5 USD	Thỏa thuận
4.2.2	Bán kính >10km	0.088%	220.000đ/ 22USD	Thỏa thuận
5	Dịch vụ lưu trữ, quản lý tài sản			
5.1	Tiền không đếm (niêm phong nguyên bao theo giá trị kê khai)	0,022%/ngày/giá trị kê khai	110.000đ	Thỏa thuận
5.2	Chứng khoán, giấy tờ có giá khác	0,0165%/ngày/ giá trị kê khai	110.000đ	Thỏa thuận
5.3	Giấy tờ khác	11.000đ/ngày/phong bì A4		
E DỊCH VỤ KHÁC				
1	Phí tra soát, điều chỉnh, hủy lệnh chuyển tiền			
1.1	Trong hệ thống			
		11.000đ/1,1USD/ lệnh		
1.2	Ngoài hệ thống			
		22.000đ/2,2 USD/lệnh		
2	Xác nhận tài khoản theo yêu cầu (Bao gồm xác nhận số dư, xác nhận khác hợp lệ)			
2.1	Theo mẫu của khách hàng			
		Max: 1 bản chính, 2 bản sao.		
2.1.1	Bảng tiếng Việt			
		33.000đ/lần		
2.1.2	Bảng tiếng Anh			
		55.000đ/lần		
2.2	Theo mẫu OceanBank			
		Max: 1 bản chính, 2 bản sao.		
2.2.1	Bảng tiếng Việt			
		55.000đ/lần		
2.2.2	Bảng tiếng Anh			
		88.000đ/lần		

3	Phong tỏa tài khoản theo yêu cầu của khách hàng (trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan pháp luật)			
3.1	Do sử dụng dịch vụ có liên quan tại OceanBank dẫn đến việc phong tỏa tài khoản	Miễn phí		
3.2	Phong tỏa vì lý do khác	55.000đ/lần/01 TK		
4	Cung cấp thông tin tài khoản			
4.1	Số phụ hàng ngày	Miễn phí		
4.2	Sao kê tài khoản theo yêu cầu khách hàng (có công văn yêu cầu)			
4.2.1	Thời điểm yêu cầu sao kê: < 01 năm so với hiện tại	3.300đ/trang	33.000đ/lần	Thỏa thuận
4.2.2	Thời điểm yêu cầu sao kê: >= 01 năm so với hiện tại	5.500đ/trang	55.000đ/lần	Thỏa thuận
4.3	In số phụ và gửi theo yêu cầu KH			
4.3.1	Trong cùng địa bàn	22.000đ/lần		
4.3.2	Khác địa bàn	44.000đ/lần		
4.4	Phí photo chứng từ gốc theo yêu cầu của khách hàng			
4.4.1	Chứng từ phát sinh trong vòng 1 tháng	22.000đ/chứng từ		
4.4.2	Chứng từ phát sinh trên 1 tháng và dưới 1 năm	33.000đ/chứng từ		
4.4.3	Chứng từ phát sinh trên 1 năm và tài khoản đã đóng	55.000đ/chứng từ		
4.5	Fax số phụ, chứng từ			
4.5.1	Nội tỉnh	5.500đ/Trang		
4.5.2	Ngoại tỉnh	11.000đ/Trang		
4.6	Sau 6 tháng không đến lấy Số phụ NH tự động hủy			
5	Phí cung ứng Séc	16.500đ/1 quyển		
6	Phí cung ứng Ủy nhiệm chi	16.500đ/1 quyển		
7	Dịch vụ liên quan đến Séc			
7.1	Thu hộ Séc do ngân hàng trong nước phát hành	11.000đ/ tờ		
7.2	Bảo chi Séc	11.000đ/tờ		
7.3	Thông báo Séc không đủ khả năng thanh toán	22.000đ/lần		
7.4	Thông báo mất Séc	55.000đ/lần		

Ghi chú:

1. Các dịch vụ nào có phát sinh thêm điện phí hoặc bưu phí, OceanBank thực hiện thu điện phí hoặc bưu phí thực tế phát sinh.
2. Trường hợp một dịch vụ phát sinh nhiều loại phí thì phí dịch vụ thu đối với khách hàng là tổng số tiền phí của từng giao dịch phát sinh loại phí đó.
3. Các dịch vụ có sự tham gia của các ngân hàng khác, OceanBank thu thêm các loại phí thực tế phát sinh.
4. OceanBank không hoàn trả lại khách hàng các khoản phí dịch vụ đã thu trong trường hợp khách hàng yêu cầu hủy bỏ dịch vụ hoặc dịch vụ không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của OceanBank.
5. Đối với loại phí thu bằng ngoại tệ, nếu khách hàng không có ngoại tệ, OceanBank thu bằng VND quy đổi theo tỷ giá bán chuyển khoản do OceanBank công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch.
6. Các giao dịch liên quan đến ngoại tệ tuân thủ theo các quy định về quản lý ngoại hối hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam